

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-ST
Ngày: 10-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng
2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn P, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp T2, xã T3, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Hà Văn C, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị D, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

- Ông Hà Văn N, sinh năm 1948;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn P, lời khai trong quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phan Văn D có nội dung như sau:

Từ năm 2015, ông Đoàn Văn P và ông Hà Văn C có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi. Việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói, phương thức mua bán là ông P giao thức ăn đến nhà cho ông C và phía ông C ký nhận vào sổ theo dõi về số lượng, loại thức ăn, số tiền mỗi đợt giao, mỗi bên giữ một sổ để kiểm tra. Thời gian thanh toán theo thỏa thuận là định kỳ hai tháng trả tiền một lần. Ban đầu hai bên thực hiện giao dịch đúng như thỏa thuận. Đến năm 2017, phía ông C không trả tiền đúng hạn nhưng do quan hệ làm ăn lâu năm nên ông P vẫn đồng ý cho ông C nợ lại nhiều lần. Đến tháng 11 năm 2020, hai bên kết thúc việc mua bán. Ngày 23/12/2020, hai bên tổng kết nợ, phía ông C còn nợ ông P tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 1.003.326.000 đồng. Nội dung này đã được ông C ký xác nhận tại Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 23/12/2020 và Biên bản hòa giải lần 2 ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã B.

Ngày 12/10/2021, bà D là vợ ông C có mang tiền đến trả cho ông P 100.000.000 đồng và hai bên tính toán lại cho đúng số tiền theo sổ theo dõi của các bên thì số nợ thực tế còn lại là 848.361.000 đồng.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi làm tròn số là 848.000.000 đồng (ông P tự nguyện không yêu cầu số tiền 361.000 đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 25/5/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 10%/ năm, tương ứng 0,83%/tháng. Thành tiền là: 38.711.000 đồng. Ông P đồng ý giảm cho phía ông C 50% số tiền lãi, chỉ yêu cầu 19.000.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là: 867.000.000 đồng.

Lý do ông P yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà D vì bà D có biết việc mua bán này, có khi bà D thay ông C đặt và nhận thức ăn và việc mua bán thức ăn chăn nuôi làm kinh tế chung của vợ chồng.

Đối với ông Hà Văn N, ông P xin rút lại yêu cầu buộc ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Bị đơn ông Hà Văn C trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Ông thống nhất như lời trình bày của phía nguyên đơn về thời gian, nội dung thỏa thuận, phương thức mua bán, phương thức thanh toán, quá trình thực hiện giao dịch giữa các bên. Ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ ông Đoàn Văn P số tiền mua thức ăn chăn nuôi tổng cộng là 848.000.000 đồng.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả tiền gốc và tiền lãi thì ông chỉ đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi vì ông P không thương lượng gì với ông mà đi khởi kiện ngay.

Ông Hà Văn N là cha ruột của ông. Ông N đã lớn tuổi, không liên quan trong việc chăn nuôi và mua bán thức ăn của vợ chồng ông với ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Bà thống nhất như lời trình bày của chồng bà là ông Hà Văn C, không có bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đoàn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Văn C, bà Bùi Thị D, ông Hà Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi tổng cộng là 1.003.326.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền này nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông P cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hành vi vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của vợ chồng ông C và bà D nên ông P có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Hà Văn C có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến của nguyên đơn về việc xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Hà Văn N có nghĩa vụ liên đới trả nợ, thấy rằng: Các bên đương sự đều thống nhất ông Hà Văn N không liên quan trong việc giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi này và việc rút yêu cầu đối với ông Hà Văn N là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 848.000.000 đồng, thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất những nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán tài sản như hình thức hợp đồng bằng lời nói, phương thức mua bán, phương thức thanh toán, ... Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn có vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nhiều lần cộng dồn, đến ngày 23/12/2020 chốt sổ, phía ông C còn nợ ông P tổng số tiền là 1.003.361.000 đồng. Chứng cứ phía nguyên đơn đưa ra là Bảng đối chiếu xác nhận công nợ

ngày 23/12/2020 có chữ ký và chữ viết của ông Hà Văn C, Biên bản hòa giải ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã B. Các sự kiện nêu trên và giấy xác nhận nợ đều được ông C thừa nhận. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận sau khi đối chiếu sổ sách hai bên thì số nợ chính xác là 948.361.000 đồng và phía bị đơn đã trả cho ông P số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn ông C còn nợ ông P số tiền 848.361.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên. Tuy nhiên, phía nguyên đơn tự nguyện bớt 361.000 đồng làm tròn số 848.000.000 đồng nên ghi nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi, thấy rằng: Phía ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng mua bán tài sản giao kết giữa ông P và ông C không thỏa thuận về lãi chậm trả nên mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ông Phương yêu cầu tính lãi đối với số tiền 848.000.000 đồng từ ngày 25/5/2021 đến ngày 10/11/2021 là 05 tháng 15 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 38.711.000 đồng, phù hợp với các quy định nói trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Nguyên đơn tự nguyện bớt 50% số tiền lãi, chỉ yêu cầu trả 19.000.000 đồng là ý chí tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[7] Xét yêu cầu của ông P về việc buộc bà D có nghĩa vụ liên đới trả nợ, thấy rằng: Ông C và bà D là vợ chồng, bà D thừa nhận có biết việc mua bán thức ăn giữa ông C và ông P, có khi bà thay ông C đặt và nhận thức ăn, mục đích việc mua bán thức ăn là để chăn nuôi, làm kinh tế chung của vợ chồng. Tại phiên tòa bà D cũng đồng ý liên đới với ông C trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà D có nghĩa vụ liên đới trả nợ với ông C.

[8] Xét ý kiến của ông C và bà D cho rằng phía ông P không thương lượng trước mà khởi kiện ngay nên không đồng ý trả lãi, thấy rằng: Hai bên đã chấm dứt việc mua bán và thực hiện chốt nợ từ tháng 12/2020. Đến tháng 5/2021, Ủy ban nhân dân xã B có tổ chức hòa giải cho các bên nhưng các bên không thống nhất được phương án trả nợ. Đến ngày 28/6/2021, Tòa án mới thụ lý vụ án. Do đó, lời trình bày của ông C và bà D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P được chấp nhận nên bị đơn ông C và bà D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hà Văn N có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Hà Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Đoàn Văn P số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi tổng cộng là: 848.000.000 (tám trăm bốn mươi tám triệu) đồng và tiền lãi là: 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 38.010.000 (ba mươi tám triệu không trăm mười nghìn) đồng do ông Hà Văn C và bà Bùi Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.033.000 (mười hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007115 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân